TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1469/2022/QĐST-DS	*Thành phố Thủ Đức, ngày 29 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 395/2020/TLST-DS ngày 09/7/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng đặt cọc".

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2022 về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Lê Quang T, sinh năm: 1977.

Địa chỉ: Đường số A, phường X, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn*: Bà Lê Thị A, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Đường D, phường Y, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Đ;

Địa chỉ: Đường B, phường Z, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị A, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Đường C, xã L, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 29/3/2017 ký kết giữa ông Lê Quang T và bà Lê Thị A về việc đặt cọc lô đất số 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 12, 11, 10, 09 với diện tích là 731.63m2, thuộc thửa đất số 1008, tờ bản đồ số 11,

tọa lạc tại đường E, phường U, Quận 9, (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Lê Thị A chỉ có nghĩa vụ trả lại cho ông Lê Quang T số tiền 600.000.000 (Sáu trăm triệu) đồng, trả một lần ngay khi quyết định của Toà án có hiệu lực pháp luật.

- Trường hợp bà Lê Thị A chậm trả tiền thì còn phải trả thêm tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng.

Hoàn lại cho ông Lê Quang T số tiền 29.400.000 (hai mươi chín triệu bốn trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0013845 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9 (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành nếu chưa trả hết các khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Lưu; VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Tùng